

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ: Công ty Thủy Lợi Sông Nhuệ theo quyết định số 2125/QĐ-UBND Ngày 13 tháng 05 năm 2010 của UBND Thành phố Hà Nội và được sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500237857 ngày 18 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 17 tháng 01 năm 2020.

Vốn điều lệ: **2.155.000.000.000 VND (Hai nghìn một trăm năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.)**

Trụ sở Công ty: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch công ty trong năm và vào ngày lập Báo cáo này là Ông **Vũ Mạnh Hùng**.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Huy Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên của Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Chủ tịch Công ty Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Vũ Mạnh Hùng

Chủ tịch

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Số: 65/2025/ASEAN/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CHỦ TỊCH, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ, được lập ngày 24 tháng 01 năm 2025, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do hạn chế về phạm vi, chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của khoản mục hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Thu Thủy

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán Số: 2377-2023-176-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ASEAN

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Thái Văn Toàn

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2534-2021-176-1

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu B01-DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		248.454.615.718	147.956.543.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	5.025.552.366	5.128.214.650
111	1. Tiền		5.025.552.366	5.128.214.650
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		242.909.351.950	142.054.697.053
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	241.446.508.832	140.604.482.036
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	156.359.052	167.753.716
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.470.669.266	1.446.646.501
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(164.185.200)	(164.185.200)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	495.429.736	559.086.883
141	1. Hàng tồn kho		495.429.736	559.086.883
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.281.666	214.544.774
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	24.281.666	214.544.774
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.850.588.602.876	1.844.167.457.186
220	II. Tài sản cố định		1.850.588.602.876	1.844.167.457.186
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	1.850.588.602.876	1.844.167.457.186
222	- Nguyên giá		1.960.021.287.284	1.952.765.253.184
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(109.432.684.408)	(108.597.795.998)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.099.043.218.594	1.992.124.000.546

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		228.512.731.850	200.815.137.702
310	I. Nợ ngắn hạn		228.448.111.850	200.752.153.702
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	91.213.796.742	56.887.996.350
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9	-	726.603.520
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	23.544.845	60.664.467
314	4. Phải trả người lao động	V.11	47.442.495.774	28.637.608.599
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	391.039.000	185.383.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	67.751.647.566	102.337.054.970
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.625.587.923	11.916.842.796
330	II. Nợ dài hạn		64.620.000	62.984.000
343	1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		64.620.000	62.984.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.870.530.486.744	1.791.308.862.844
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.14	1.870.530.486.744	1.791.308.862.844
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.831.090.208.298	1.617.585.616.098
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.431.182.170	1.431.182.170
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		38.009.096.276	172.292.064.576
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.099.043.218.594	1.992.124.000.546

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025



Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu B02-DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	310.341.377.406	210.328.056.842
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		310.341.377.406	210.328.056.842
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	265.767.173.919	178.900.759.005
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.574.203.487	31.427.297.837
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	78.530.273	63.455.690
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	-	41.217.017
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	41.217.017
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	26.536.227.440	19.923.802.577
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.116.506.320	11.525.733.933
31	11. Thu nhập khác	VI.6	7.909.522	-
32	12. Chi phí khác	VI.7	286.005	202.351
40	13. Lợi nhuận khác		7.623.517	(202.351)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.124.129.837	11.525.531.582
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		39.282.719	26.525.134
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.084.847.118	11.499.006.448

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Hải

Chữ tích




Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		208.720.431.670	185.601.008.338
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(67.198.105.886)		(72.288.409.082)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(81.317.783.849)		(68.947.984.850)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	-		(41.217.017)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(19.106.131)		(9.599.366)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	246.768.633		6.330.176.424
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(60.613.396.994)		(45.956.264.292)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(181.192.557)	4.687.710.155
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(44.962.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		78.530.273	63.459.827
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		78.530.273	18.497.827
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		-	(4.916.381.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(4.916.381.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(102.662.284)	(210.173.018)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		5.128.214.650	5.338.387.668
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	V.1	5.025.552.366	5.128.214.650

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Hải

Chủ tịch



Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHƯỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên là Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ.

1. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, xây dựng và dịch vụ

2. **Ngành nghề kinh doanh:**

- *Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất Nông nghiệp và dân sinh kinh tế;*
- *Sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn;*
- *Tư vấn thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;*
- *Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;*
- *Gia công cơ khí, sửa chữa, thiết bị cơ điện, thiết bị thủy lợi;*
- *Dịch vụ du lịch, dịch vụ sinh thái.*

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chủ tịch Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu khách hàng: Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

Phải thu khác: Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao-dịch mua, bán (như: phải thu về thuế TNCN của nhân viên, phải thu chờ ngân sách cấp...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.
- Các khoản nợ phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán: Công ty xóa nợ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống

quản trị và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty thu lại được số nợ đã xử lý xóa sổ trước đó thì số thu được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán theo quy định hiện hành.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Theo thông tư 147/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính từ 01/01/2016 đến nay Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản cố định phục vụ sản xuất, chỉ thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định phục vụ công tác quản lý.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2021 của Bộ tài chính; thông tư số 105/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ tài chính.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Theo Điểm 2 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ thủy lợi được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

10. Ghi nhận doanh thu và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	760.042.545	444.164.520
Tiền gửi ngân hàng	4.265.509.821	4.684.050.130
Cộng	5.025.552.366	5.128.214.650

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i>		
Ban Quản lý dịch vụ Thủy Lợi	237.627.365.821	136.682.850.816
Công ty KTCT Thủy lợi Duy Tiên	1.994.426.700	1.994.426.700
Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Kim Bảng	1.096.631.000	1.096.631.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	728.085.311	830.573.520
Cộng	241.446.508.832	140.604.482.036

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công Ty TNHH Thương Mại & Xây Lắp Điện Việt Nhật	37.414.046	37.414.046
Trung tâm KH và triển khai kỹ thuật thủy lợi	31.495.000	31.495.000
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	3.470.606	14.865.270
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và TM Lạc Việt	16.101.000	16.101.000
Công ty CP Tư vấn & XDCT Thủy lợi Thủy điện	18.389.000	18.389.000
Các đối tượng khác	49.489.400	49.489.400
Cộng	156.359.052	167.753.716

4. Phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>		
Ban duy tu các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	429.464.609	429.464.609
Hợp tác xã huyện Thanh Trì	330.422.269	330.422.269
Phải thu khác	710.782.388	686.759.623
Cộng	1.470.669.266	1.446.646.501

5. Hàng tồn kho

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	66.880.480	53.326.300
Công cụ dụng cụ	428.549.256	505.760.583
Cộng	495.429.736	559.086.883

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. Nợ xấu**

Thông tin chi tiết được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản được trình bày ở Phụ lục 2.

8. Phải trả người bán***Phải trả người bán ngắn hạn***

	31/12/2024		01/01/2024	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty điện lực Phú Xuyên	17.590.237.906	17.590.237.906	10.384.621.108	10.384.621.108
Công ty Điện Lực Thường Tín	8.999.890.813	8.999.890.813	6.280.861.251	6.280.861.251
Công ty Điện lực Ứng Hoà	15.782.392.766	15.782.392.766	10.204.901.153	10.204.901.153
Công ty TNHH Cơ điện Thủy lợi Hưng Yên	8.942.983.000	8.942.983.000	5.007.736.000	5.007.736.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Lấp Và Khai Thác Cảng	6.899.302.000	6.899.302.000	4.304.701.000	4.304.701.000
Công ty điện lực Hà Đông	2.553.875.621	2.553.875.621	336.602.874	336.602.874
Công ty Điện lực Thanh Trì	2.096.044.980	2.096.044.980	672.904.004	672.904.004
Công Ty Cổ Phần xây Dựng Thế Tiến	3.378.716.000	3.378.716.000	2.685.687.000	2.685.687.000
Công ty TNHH một thành viên Hồng Thủy	3.691.816.000	3.691.816.000	1.664.327.000	1.664.327.000
Công ty TNHH Phát Triển Xây dựng Thành Vinh	1.126.587.000	1.126.587.000	1.591.616.000	1.591.616.000
Công ty TNHH Hệ thống điện và tự động hóa VN	2.416.698.000	2.416.698.000	2.003.907.000	2.003.907.000
Công ty TNHH Xây Dựng Minh Cường	1.907.384.000	1.907.384.000	2.843.401.000	2.843.401.000
Công ty Cổ phần xây dựng và công nghệ Hoàng Nam	2.602.317.000	2.602.317.000	1.268.688.000	1.268.688.000
Xí nghiệp Xây dựng và Sửa chữa Công Trình	2.427.088.000	2.427.088.000	870.739.000	870.739.000
Công ty TNHH Cơ điện An Cường	2.614.814.000	2.614.814.000	1.355.040.000	1.355.040.000
CN Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ - Xí nghiệp tư vấn NN&PTNT	2.368.853.859	2.368.853.859	1.690.969.700	1.690.969.700
Các đối tượng khác	5.814.795.797	5.814.795.797	3.721.294.260	3.721.294.260
Cộng	91.213.796.742	91.213.796.742	56.887.996.350	56.887.996.350

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***13. Phải trả khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	257.751.500	1.131.868.900
Bảo hiểm xã hội	2.996.226.581	2.240.641
Bảo hiểm y tế	760.437.940	-
Bảo hiểm thất nghiệp	337.704.200	-
Thủy lợi phí cấp bù cho các HTX nông nghiệp phải trả	55.685.815.349	22.411.251.507
Khoản phải trả khi thu TLP Hà Nam (Chờ phê duyệt)	3.091.057.220	3.091.057.220
Tài sản cố định tăng nhưng không tăng nguồn vốn	-	71.965.589.800
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định chờ phân bổ	-	103.496.139
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	69.076.500	58.576.500
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.553.578.276	3.572.974.263
Cộng	67.751.647.566	102.337.054.970

14. Vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu	310.341.377.406	210.328.056.842
- Doanh thu dịch vụ thủy lợi	310.209.580.605	210.244.150.860
- Doanh thu tiêu nước khu công nghiệp	72.255.801	56.028.346
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	59.541.000	27.877.636
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	310.341.377.406	210.328.056.842

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	265.767.173.919	178.900.759.005
Cộng	265.767.173.919	178.900.759.005

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	78.530.273	63.455.690
Cộng	78.530.273	63.455.690

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	-	41.217.017
Cộng	-	41.217.017

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.590.753.610	10.488.941.741
Chi phí vật liệu quản lý	1.620.693.684	228.610.400
Chi phí đồ dùng văn phòng	871.313.140	509.995.040
Chi phí khấu hao TSCĐ	795.672.864	887.893.410
Thuế, phí và lệ phí	684.611.682	647.999.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.203.449.628	2.819.811.060
Chi phí bằng tiền khác	4.769.732.832	4.340.551.922
Cộng	26.536.227.440	19.923.802.577

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu bồi thường	7.909.522	-
Cộng	7.909.522	-

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chậm nộp bảo hiểm, tiền chậm nộp thuế	286.005	202.351
Cộng	286.005	202.351

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	134.782.709.563	102.419.504.509
Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ sản xuất	3.013.643.427	2.411.126.599
Chi phí khấu hao TSCĐ	795.672.864	887.893.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.366.995.171	64.095.897.348
Chi phí thủy lợi phí phải trả hợp tác xã	44.203.105.520	17.732.118.790
Chi phí ăn ca	6.683.770.000	6.628.180.000
Chi phí trang phục	1.394.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	5.063.504.814	4.649.840.926
Cộng	292.303.401.359	198.824.561.582

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Chủ tịch, các thành viên Ban Giám đốc và Ban kiểm soát, Kế toán trưởng các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ban Điều hành	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương	2.735.073.800	1.882.924.200

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có bất kỳ yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ASEAN.

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Hải

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Chủ tịch

Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 1:

6. Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn						
HTX Nông nghiệp Hòa Phú Ứng Hòa	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200	-
(Nợ đọng thủy lợi phí)	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200	-

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI SÔNG NHUỆ

Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 2:**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.453.171.487.192	468.232.681.393	29.580.663.299	1.780.421.300	1.952.765.253.184
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác (Tặng do được cấp)	5.457.954.800	1.739.972.100	58.107.200	-	7.256.034.100
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.458.629.441.992	469.972.653.493	29.638.770.499	1.780.421.300	1.960.021.287.284
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	51.222.747.062	49.521.026.955	7.162.246.599	691.775.382	108.597.795.998
- Khấu hao trong kỳ	668.118.280	-	-	166.770.130	834.888.410
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	51.890.865.342	49.521.026.955	7.162.246.599	858.545.512	109.432.684.408
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.401.948.740.130	418.711.654.438	22.418.416.700	1.088.645.918	1.844.167.457.186
Tại ngày cuối năm	1.406.738.576.650	420.451.626.538	22.476.523.900	921.875.788	1.850.588.602.876

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 3**14. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	1.622.892.971.852	1.431.182.170	1.431.182.170	-	-	-	172.292.064.576	1.796.616.218.598	VND
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	11.499.006.448	-	-	11.499.006.448	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(11.936.935.924)	-	-	(11.936.935.924)	-
Tăng khác	-	-	-	-	437.929.476	-	-	437.929.476	-
Giảm khác	(5.307.355.754)	-	-	-	-	-	-	(5.307.355.754)	-
Số dư cuối năm trước	1.617.585.616.098	1.431.182.170	1.431.182.170	-	-	-	172.292.064.576	1.791.308.862.844	VND
Số dư đầu năm nay	1.617.585.616.098	1.431.182.170	1.431.182.170	-	-	-	172.292.064.576	1.791.308.862.844	VND
Tăng vốn trong năm nay	213.504.592.200	-	-	-	-	-	-	213.504.592.200	-
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	18.084.847.118	-	-	18.084.847.118	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(18.041.622.327)	-	-	(18.041.622.327)	-
Tăng khác	-	-	-	-	56.523.557	-	-	56.523.557	-
Giảm khác	-	-	-	-	(99.748.348)	-	(134.282.968.300)	(134.382.716.648)	-
Số dư cuối năm nay	1.831.090.208.298	1.431.182.170	1.431.182.170	-	-	-	38.009.096.276	1.870.530.486.744	VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà Nước	1.831.090.208.298	1.617.585.616.098
	1.831.090.208.298	1.617.585.616.098